DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ II NĂM 2025

XÃ BA ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Ba Động)

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
1	Nguyễn Thị Hoa	Hóc Kè	2	62.500	1	62.500	62.500		
2	Võ Thị Lý	Hóc Kè	5	62.500	1	62.500	62.500		
3	Võ Thị Trừ	Hóc Kè	2	62.500	1	62.500	62.500		
4	Trương Thanh Phúc	Hóc Kè	5	62.500	1	62.500	62.500		
5	Đỗ Văn Vũ	Hóc Kè	3	62.500	1	62.500	62.500		
6	Võ Thị Biên	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
7	Nguyễn Thị Nữ	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
8	Bùi Thị Thu	Tân Long	2	62.500	1	62.500	62.500		
9	Đoàn Thị Rý	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
10	Hồ Thị Sáu	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
11	Huỳnh Thị Quy	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
12	Nguyễn Thị Trà	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
13	Nguyễn Thị Cài	Tân Long	4	62.500	1	62.500	62.500		
14	Hoàng Tấn Lực	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
15	Nguyễn Thị Sự	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
16	Huỳnh Thị Hoa	Tân Long	2	62.500	1	62.500	62.500		
17	Phạm Văn Hiếu	Tân Long	1	62.500	1	62.500	62.500		
18	Bùi Thị Thanh Tùng	Trường An	5	62.500	1	62.500	62.500		
19	Phan Thị Lan	Trường An	2	62.500	1	62.500	62.500		
20	Trần Thị Khánh	Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
21	Hồ Thị Xuân Lan	Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
22	Đặng Dùm	Trường An	3	62.500	1	62.500	62.500		
23	Phan Văn Hoàng	Trường An	4	62.500	1	62.500	62.500		
24	Nguyễn Thị Học	Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
25	Nguyễn Thị Lan	Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
26	Đặng Ngọc Sơn	Trường An	2	62.500	1	62.500	62.500		
27	Lê Thị Bông	Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
28	Huỳnh Thị Thịnh	Trường An	2	62.500	1	62.500	62.500		
29	Trịnh Thị Chai	Trường An	2	62.500	1	62.500	62.500		
30	Lê Thị Mỹ Linh	Trường An	3	62.500	1	62.500	62.500		
31	Trần Ngọc Quang	Suối Loa	3	62.500	1	62.500	62.500		
32	Nguyễn Đức Hoa	Suối Loa	1	62.500	1	62.500	62.500		
33	Ngô Quốc Việt	Suối Loa	2	62.500	1	62.500	62.500		
34	Ngô Văn Hùng	Suối Loa	3	62.500	1	62.500	62.500		
35	Trần Triều	Suối Loa	5	62.500	1	62.500	62.500		
36	Võ Thị Mai	Suối Loa	2	62.500	1	62.500	62.500		
37	Hà Văn Kiệt	Suối Loa	3	62.500	1	62.500	62.500		

38	Phạm Văn Lợi	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		
39	Phạm Văn Vân(b)	Thôn Huy Ba 1	6	62.500	1	62.500	62.500		
40	Phạm Thị Úp	Thôn Huy Ba 1	4	62.500	1	62.500	62.500		
41	Phạm Thị Y	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
42	Phạm Văn Líp	Thôn Huy Ba 1	5	62.500	1	62.500	62.500		
43	Phạm Văn Vục	Thôn Huy Ba 1	7	62.500	1	62.500	62.500		
44	Phạm Thị Để	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
45	Phạm Thị Lợi	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		
46	Phạm Thị Éa	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
47	Phạm Thị Biên	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
48	Phạm Thị Lê	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
49	Phạm Thị Lúa	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		
50	Phạm Thị Liên	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
51	Đinh Hùng Cường	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
52	Phạm Thị Trang	Thôn Huy Ba 1	5	62.500	1	62.500	62.500		
53	Phạm Thị Được	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
54	Phạm Văn Ách	Thôn Huy Ba 1	7	62.500	1	62.500	62.500		
55	Phạm Thị Dung	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
56	Phạm Văn Cuốt	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
57	Phạm Thị Gai	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
58	Phạm Thị Xi	Thôn Huy Ba 1	5	62.500	1	62.500	62.500		
59	Phạm Văn Tam	Thôn Huy Ba 1	6	62.500	1	62.500	62.500		
60	Phạm Thị Ngành	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
61	Phạm Văn Hồ	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
62	Phạm Thị Vịt	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
63	Phạm Văn Xếp	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
64	Phạm Văn Xanh	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
65	Phạm Thị Lanh	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
66	Phạm Văn Lãi	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		
67	Phạm Thị Hà	Thôn Huy Ba 1	4	62.500	1	62.500	62.500		
68	Phạm Dâm	Thôn Huy Ba 1	7	62.500	1	62.500	62.500		
69	Phạm Văn Linh	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
70	Phạm Thị Hương	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
71	Phạm Văn Guá	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
72	Phạm Văn Niên	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		
73	Phạm Văn Chiến	Thôn Huy Ba 1	4	62.500	1	62.500	62.500		
74	Phạm Thị Phoi	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
75	Phạm Văn Biên	Thôn Huy Ba 1	4	62.500	1	62.500	62.500		
76	Phạm Văn Đồng	Thôn Huy Ba 1	5	62.500	1	62.500	62.500		
77	Phạm Văn Cúa	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		
78	Phạm Văn Ước	Thôn Huy Ba 1	1	62.500	1	62.500	62.500		
79	Phạm Văn Hầm	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
80	Phạm Thị Đe	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
81	Phạm Văn Gò	Thôn Huy Ba 1	3	62.500	1	62.500	62.500		

82	Phạm Văn Diên	Thôn Huy Ba 1	4	62.500	1	62.500	62.500		
83	Phạm Văn Hành	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
84	Phạm Văn Ghun	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
85	Phạm Thị Túc	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
86	Phạm Văn Thủy	Thôn Huy Ba 1	2	62.500	1	62.500	62.500		
87	Phạm Văn Hiếu	Thôn Huy Ba 1	5	62.500	1	62.500	62.500		
88	Phạm Văn Hêu	Thôn Huy Ba 2	6	62.500	1	62.500	62.500		
89	Phạm Văn Kĩa	Thôn Huy Ba 2	6	62.500	1	62.500	62.500		
90	Phạm Thị Trốt	Thôn Huy Ba 2	1	62.500	1	62.500	62.500		
91	Nguyễn Văn Hải	Thôn Huy Ba 2	1	62.500	1	62.500	62.500		
92	Trần Thị Nguyệt	Thôn Huy Ba 2	3	62.500	1	62.500	62.500		
93	Phạm Thị Ghì	Thôn Huy Ba 2	1	62.500	1	62.500	62.500		
94	Phạm Văn Liêu	Thôn Huy Ba 2	1	62.500	1	62.500	62.500		
95	Phạm Văn Thắng	Thôn Huy Ba 2	5	62.500	1	62.500	62.500		
96	Phạm Văn Công	Thôn Huy Ba 2	5	62.500	1	62.500	62.500		
97	Phạm Văn Lốp	Thôn Huy Ba 2	2	62.500	1	62.500	62.500		
98	Phạm Văn Sên	Thôn Huy Ba 2	2	62.500	1	62.500	62.500		
99	Phạm Văn Lợi	Thôn Huy Ba 2	3	62.500	1	62.500	62.500		
100	Phạm Văn Tiếu	Thôn Huy Ba 2	2	62.500	1	62.500	62.500		
101	Phạm Văn Đùng	Thôn Huy Ba 2	2	62.500	1	62.500	62.500		
102	Phạm Văn Hăm	Thôn Huy Ba 2	6	62.500	1	62.500	62.500		
103	Phạm Văn Êu	Thôn Huy Ba 2	4	62.500	1	62.500	62.500		
104	Phạm Văn Tâm	Thôn Huy Ba 2	1	62.500	1	62.500	62.500		
105	Phạm Thị Thui	Thôn Huy Ba 2	2	62.500	1	62.500	62.500		
106	Phạm Thị Đào	Thôn Huy Ba 2	1	62.500	1	62.500	62.500		
107	Phạm Văn Huệ	Thôn Huy Ba 2	3	62.500	1	62.500	62.500		
108	Phạm Văn Hạnh	Thôn Huy Ba 2	3	62.500	1	62.500	62.500		
109	Phạm Văn Trôn	Thôn Huy Ba 2	4	62.500	1	62.500	62.500		
110	Phạm Văn So	Thôn Huy Ba 2	4	62.500	1	62.500	62.500		
111	Phạm Văn Tha	Thôn Huy Ba 2	3	62.500	1	62.500	62.500		
112	Phạm Văn Nhốp	Thôn Trường An	2	62.500	1	62.500	62.500		
113	Phạm Thị Cúc	Thôn Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
114	Phạm Thị Lý	Thôn Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
115	Đặng Trần Sơn	Thôn Trường An	5	62.500	1	62.500	62.500		
116	Phạm Thị Găm	Thôn Trường An	3	62.500	1	62.500	62.500		
117	Phạm Thị Nhơ	Thôn Trường An	5	62.500	1	62.500	62.500		
118	Phạm Văn Trê	Thôn Trường An	7	62.500	1	62.500	62.500		
119	Phạm Thị KLệu	Thôn Trường An	4	62.500	1	62.500	62.500		
120	Phạm Thị Sương	Thôn Trường An	5	62.500	1	62.500	62.500		
121	Phạm Thị Lùm	Thôn Trường An	3	62.500	1	62.500	62.500		
122	Phạm Thị Hòe	Thôn Trường An	2	62.500	1	62.500	62.500		

123	Phạm Văn Vê	Thôn Trường An	8	62.500	1	62.500	62.500		
124	Phạm Văn Sanh	Thôn Trường An	7	62.500	1	62.500	62.500		
125	Phạm Văn Thang	Thôn Trường An	6	62.500	1	62.500	62.500		
126	Phạm Văn Xít	Thôn Trường An	5	62.500	1	62.500	62.500		
127	Trần Thị Kim Hoa	Thôn Trường An	3	62.500	1	62.500	62.500		
128	Phạm Thị Neo	Thôn Trường An	1	62.500	1	62.500	62.500		
129	Phạm Văn Lế	Thôn Trường An	5	62.500	1	62.500	62.500		
130	Phạm Trung Thành	Thôn Trường An	3	62.500	1	62.500	62.500		
131	Phạm Thị Den	Thôn Trường An	4	62.500	1	62.500	62.500		
132	Phạm Thị Trúy	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
133	Phạm Thị Nhung	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
134	Phạm Văn Thôn	Thôn Làng Teng	5	62.500	1	62.500	62.500		
135	Phạm Thị Hót	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
136	Phạm Văn Mu(a)	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
137	Phạm Văn Năm	Thôn Làng Teng	2	62.500	1	62.500	62.500		
138	Phạm Thị Đú	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
139	Phạm Thị Thùng	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
140	Phạm Thị Đanh	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
141	Phạm Thị Điêu	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
142	Phạm Thị Tủ	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
143	Phạm Văn Răm	Thôn Làng Teng	4	62.500	1	62.500	62.500		
144	Phạm Văn Nem	Thôn Làng Teng	2	62.500	1	62.500	62.500		
145	Phạm Thị Trước	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
146	Phạm Văn Đầm	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
147	Phạm Văn Trưa	Thôn Làng Teng	2	62.500	1	62.500	62.500		
148	Phạm Văn Dũng	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
149	Trịnh Thị Cúc	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
150	Phạm Thị Bay	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
151	Phạm Thị Y	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
152	Phạm Văn Đùa	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
153	Phạm Thị Đuôi	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
154	Phạm Văn Lui(b)	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
155	Phạm Văn Ne	Thôn Làng Teng	4	62.500	1	62.500	62.500		
156	Phạm Văn Phương	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
157	Phạm Văn Đồng	Thôn Làng Teng	4	62.500	1	62.500	62.500		
158	Phạm Văn Ma	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
159	Phạm Văn Rêu	Thôn Làng Teng	2	62.500	1	62.500	62.500		
160	Phạm Văn Mè	Thôn Làng Teng	2	62.500	1	62.500	62.500		

161	Phạm Thị Ốt	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
162	Phạm Thị Đầy	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
163	Phạm Thị Ven	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
164	Phạm Thị Lát	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
165	Phạm Thị Lun	Thôn Làng Teng	1	62.500	1	62.500	62.500		
166	Phạm Văn Đệ	Thôn Làng Teng	2	62.500	1	62.500	62.500		
167	Phạm Văn Sưng	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
168	Phạm Văn Ua	Thôn Làng Teng	3	62.500	1	62.500	62.500		
169	Phạm Thị Đua	Đá Chát	2	62.500	1	62.500	62.500		
170	Phạm Thị Nết	Đá Chát	4	62.500	1	62.500	62.500		
171	Phạm Thị Hách	Đá Chát	3	62.500	1	62.500	62.500		
172	Phạm Thị Liên	Đá Chát	1	62.500	1	62.500	62.500		
173	Phạm Thị Lăng	Đá Chát	2	62.500	1	62.500	62.500		
174	Phạm Thị Lên (Đỉ)	Đá Chát	4	62.500	1	62.500	62.500		
175	Phạm Văn Thâm	Đá Chát	4	62.500	1	62.500	62.500		
176	Phạm Văn Trái	Đá Chát	4	62.500	1	62.500	62.500		
177	Phạm Văn Thay	Đá Chát	3	62.500	1	62.500	62.500		
178	Phạm Văn Ró	Đá Chát	3	62.500	1	62.500	62.500		
179	Phạm Thị Um	Đá Chát	2	62.500	1	62.500	62.500		
180	Phạm Thị Bốn	Đá Chát	2	62.500	1	62.500	62.500		
181	Phạm Thị Ri	Đá Chát	1	62.500	1	62.500	62.500		
182	Phạm Thị Rở	Đá Chát	2	62.500	1	62.500	62.500		
183	Phạm Thị Anh	Đá Chát	6	62.500	1	62.500	62.500		
184	Phạm Thị Tỷ	Đá Chát	8	62.500	1	62.500	62.500		
185	Phạm Văn Hai	Đá Chát	6	62.500	1	62.500	62.500		
186	Phạm Thị Xuôi	Đá Chát	4	62.500	1	62.500	62.500		
187	Phạm Thị Inh	Đá Chát	6	62.500	1	62.500	62.500		
188	Phạm Thị Hú	Đá Chát	2	62.500	1	62.500	62.500		
189	Phạm Thị Phá	Đá Chát	4	62.500	1	62.500	62.500		
190	Phạm Thị Nít	Hương Chiên	1	62.500	1	62.500	62.500		
191	Phạm Văn Man	Hương Chiên	3	62.500	1	62.500	62.500		
192	Phạm Thị Nga	Hương Chiên	3	62.500	1	62.500	62.500		
193	Phạm Thị Nhê	Hương Chiên	1	62.500	1	62.500	62.500		
194	Phạm Thị Gạch	Hương Chiên	4	62.500	1	62.500	62.500		
195	Phạm Văn Lúc	Hương Chiên	3	62.500	1	62.500	62.500		
196	Phạm Thị Nâu	Hương Chiên	2	62.500	1	62.500	62.500		
197	Phạm Thị Xân	Hương Chiên	7	62.500	1	62.500	62.500		
198	Phạm Văn Trỏi	Hương Chiên	1	62.500	1	62.500	62.500		

199	Phạm Thị Ngoát	Hương Chiên	2	62.500	1	62.500	62.500		
	Tổng cộng: 199 hộ nghèo		**549**			**12.437.500**	**12.437.500**		

Tổng số hộ nghèo đề nghị phê duyệt, hỗ trợ tiền điện tháng 4 năm 2025: 199 hộ.

Trong đó: Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền kỳ này: 199 hộ; Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền các kỳ trước chuyển sang: 0 hộ.
Tổng số tiền (Ba mươi bảy triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng): 12.437.500 đồng.

DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ II NĂM 2025
XÃ BA ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Ba Động)

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
1	Nguyễn Thị Hoa	Hóc Kè	2	64.000	2	128.000	128.000		
2	Võ Thị Lý	Hóc Kè	5	64.000	2	128.000	128.000		
3	Võ Thị Trừ	Hóc Kè	2	64.000	2	128.000	128.000		
4	Trương Thanh Phúc	Hóc Kè	5	64.000	2	128.000	128.000		
5	Đỗ Văn Vũ	Hóc Kè	3	64.000	2	128.000	128.000		
6	Võ Thị Biên	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
7	Nguyễn Thị Nữ	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
8	Bùi Thị Thu	Tân Long	2	64.000	2	128.000	128.000		
9	Đoàn Thị Rý	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
10	Hồ Thị Sáu	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
11	Huỳnh Thị Quy	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
12	Nguyễn Thị Trà	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
13	Nguyễn Thị Cài	Tân Long	4	64.000	2	128.000	128.000		
14	Hoàng Tấn Lực	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
15	Nguyễn Thị Sự	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
16	Huỳnh Thị Hoa	Tân Long	2	64.000	2	128.000	128.000		
17	Phạm Văn Hiếu	Tân Long	1	64.000	2	128.000	128.000		
18	Bùi Thị Thanh Tùng	Trường An 1	5	64.000	2	128.000	128.000		
19	Phan Thị Lan	Trường An 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
20	Trần Thị Khánh	Trường An 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
21	Hồ Thị Xuân Lan	Trường An 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
22	Đặng Dùm	Trường An 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
23	Phan Văn Hoàng	Trường An 1	4	64.000	2	128.000	128.000		
24	Nguyễn Thị Học	Trường An 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
25	Nguyễn Thị Lan	Trường An 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
26	Đặng Ngọc Sơn	Trường An 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
27	Lê Thị Bông	Trường An 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
28	Huỳnh Thị Thịnh	Trường An 1	2	64.000	2	128.000	128.000		

29	Trịnh Thị Chai	Trường An 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
30	Lê Thị Mỹ Linh	Trường An 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
31	Trần Ngọc Quang	Suối Loa	3	64.000	2	128.000	128.000		
32	Nguyễn Đức Hoa	Suối Loa	1	64.000	2	128.000	128.000		
33	Ngô Quốc Việt	Suối Loa	2	64.000	2	128.000	128.000		
34	Ngô Văn Hùng	Suối Loa	3	64.000	2	128.000	128.000		
35	Trần Triều	Suối Loa	5	64.000	2	128.000	128.000		
36	Võ Thị Mai	Suối Loa	2	64.000	2	128.000	128.000		
37	Hà Văn Kiệt	Suối Loa	3	64.000	2	128.000	128.000		
38	Phạm Văn Lợi	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
39	Phạm Văn Vân(b)	Huy Ba 1	6	64.000	2	128.000	128.000		
40	Phạm Thị Úp	Huy Ba 1	4	64.000	2	128.000	128.000		
41	Phạm Thị Y	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
42	Phạm Văn Líp	Huy Ba 1	5	64.000	2	128.000	128.000		
43	Phạm Văn Vục	Huy Ba 1	7	64.000	2	128.000	128.000		
44	Phạm Thị Để	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
45	Phạm Thị Lợi	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
46	Phạm Thị Éa	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
47	Phạm Thị Biên	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
48	Phạm Thị Lê	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
49	Phạm Thị Lúa	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
50	Phạm Thị Liên	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
51	Đinh Hùng Cường	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
52	Phạm Thị Trang	Huy Ba 1	5	64.000	2	128.000	128.000		
53	Phạm Thị Được	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
54	Phạm Văn Ách	Huy Ba 1	7	64.000	2	128.000	128.000		
55	Phạm Thị Dung	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
56	Phạm Văn Cuốt	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
57	Phạm Thị Gai	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
58	Phạm Thị Xi	Huy Ba 1	5	64.000	2	128.000	128.000		
59	Phạm Văn Tam	Huy Ba 1	6	64.000	2	128.000	128.000		
60	Phạm Thị Ngành	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
61	Phạm Văn Hồ	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
62	Phạm Thị Vịt	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
63	Phạm Văn Xếp	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
64	Phạm Văn Xanh	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
65	Phạm Thị Lanh	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		

66	Phạm Văn Lãi	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
67	Phạm Thị Hà	Huy Ba 1	4	64.000	2	128.000	128.000		
68	Phạm Dâm	Huy Ba 1	7	64.000	2	128.000	128.000		
69	Phạm Văn Linh	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
70	Phạm Thị Hương	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
71	Phạm Văn Guá	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
72	Phạm Văn Niên	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
73	Phạm Văn Chiến	Huy Ba 1	4	64.000	2	128.000	128.000		
74	Phạm Thị Phoi	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
75	Phạm Văn Biên	Huy Ba 1	4	64.000	2	128.000	128.000		
76	Phạm Văn Đồng	Huy Ba 1	5	64.000	2	128.000	128.000		
77	Phạm Văn Cúa	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
78	Phạm Văn Ước	Huy Ba 1	1	64.000	2	128.000	128.000		
79	Phạm Văn Hầm	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
80	Phạm Thị Đe	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
81	Phạm Văn Gò	Huy Ba 1	3	64.000	2	128.000	128.000		
82	Phạm Văn Diên	Huy Ba 1	4	64.000	2	128.000	128.000		
83	Phạm Văn Hành	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
84	Phạm Văn Ghun	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
85	Phạm Thị Túc	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
86	Phạm Văn Thủy	Huy Ba 1	2	64.000	2	128.000	128.000		
87	Phạm Văn Hiếu	Huy Ba 1	5	64.000	2	128.000	128.000		
88	Phạm Văn Hêu	Huy Ba 2	6	64.000	2	128.000	128.000		
89	Phạm Văn Kĩa	Huy Ba 2	6	64.000	2	128.000	128.000		
90	Phạm Thị Trốt	Huy Ba 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
91	Nguyễn Văn Hải	Huy Ba 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
92	Trần Thị Nguyệt	Huy Ba 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
93	Phạm Thị Ghì	Huy Ba 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
94	Phạm Văn Liêu	Huy Ba 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
95	Phạm Văn Thắng	Huy Ba 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
96	Phạm Văn Công	Huy Ba 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
97	Phạm Văn Lốp	Huy Ba 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
98	Phạm Văn Sên	Huy Ba 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
99	Phạm Văn Lợi	Huy Ba 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
100	Phạm Văn Tiếu	Huy Ba 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
101	Phạm Văn Đùng	Huy Ba 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
102	Phạm Văn Hăm	Huy Ba 2	6	64.000	2	128.000	128.000		

103	Phạm Văn Êu	Huy Ba 2	4	64.000	2	128.000	128.000		
104	Phạm Văn Tâm	Huy Ba 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
105	Phạm Thị Thui	Huy Ba 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
106	Phạm Thị Đào	Huy Ba 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
107	Phạm Văn Huệ	Huy Ba 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
108	Phạm Văn Hạnh	Huy Ba 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
109	Phạm Văn Trôn	Huy Ba 2	4	64.000	2	128.000	128.000		
110	Phạm Văn So	Huy Ba 2	4	64.000	2	128.000	128.000		
111	Phạm Văn Tha	Huy Ba 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
112	Phạm Văn Nhốp	Trường An 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
113	Phạm Thị Cúc	Trường An 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
114	Phạm Thị Lý	Trường An 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
115	Đặng Trần Sơn	Trường An 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
116	Phạm Thị Găm	Trường An 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
117	Phạm Thị Nhơ	Trường An 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
118	Phạm Văn Trê	Trường An 2	7	64.000	2	128.000	128.000		
119	Phạm Thị KLệu	Trường An 2	4	64.000	2	128.000	128.000		
120	Phạm Thị Sương	Trường An 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
121	Phạm Thị Lùm	Trường An 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
122	Phạm Thị Hòe	Trường An 2	2	64.000	2	128.000	128.000		
123	Phạm Văn Vế	Trường An 2	8	64.000	2	128.000	128.000		
124	Phạm Văn Sanh	Trường An 2	7	64.000	2	128.000	128.000		
125	Phạm Văn Thang	Trường An 2	6	64.000	2	128.000	128.000		
126	Phạm Văn Xít	Trường An 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
127	Trần Thị Kim Hoa	Trường An 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
128	Phạm Thị Neo	Trường An 2	1	64.000	2	128.000	128.000		
129	Phạm Văn Lế	Trường An 2	5	64.000	2	128.000	128.000		
130	Phạm Trung Thành	Trường An 2	3	64.000	2	128.000	128.000		
131	Phạm Thị Den	Trường An 2	4	64.000	2	128.000	128.000		
132	Phạm Thị Trúy	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
133	Phạm Thị Nhung	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
134	Phạm Văn Thôn	Làng Teng	5	64.000	2	128.000	128.000		
135	Phạm Thị Hót	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
136	Phạm Văn Mu(a)	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
137	Phạm Văn Năm	Làng Teng	2	64.000	2	128.000	128.000		
138	Phạm Thị Đú	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
139	Phạm Thị Thùng	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		

140	Phạm Thị Đanh	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
141	Phạm Thị Điêu	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
142	Phạm Thị Tủ	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
143	Phạm Văn Răm	Làng Teng	4	64.000	2	128.000	128.000		
144	Phạm Văn Nem	Làng Teng	2	64.000	2	128.000	128.000		
145	Phạm Thị Trước	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
146	Phạm Văn Đầm	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
147	Phạm Văn Trưa	Làng Teng	2	64.000	2	128.000	128.000		
148	Phạm Văn Dũng	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
149	Trịnh Thị Cúc	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
150	Phạm Thị Bay	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
151	Phạm Thị Y	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
152	Phạm Văn Đùa	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
153	Phạm Thị Đuôi	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
154	Phạm Văn Lui(b)	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
155	Phạm Văn Ne	Làng Teng	4	64.000	2	128.000	128.000		
156	Phạm Văn Phương	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
157	Phạm Văn Đồng	Làng Teng	4	64.000	2	128.000	128.000		
158	Phạm Văn Ma	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
159	Phạm Văn Rêu	Làng Teng	2	64.000	2	128.000	128.000		
160	Phạm Văn Mè	Làng Teng	2	64.000	2	128.000	128.000		
161	Phạm Thị Ốt	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
162	Phạm Thị Đầy	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
163	Phạm Thị Ven	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
164	Phạm Thị Lát	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
165	Phạm Thị Lun	Làng Teng	1	64.000	2	128.000	128.000		
166	Phạm Văn Đệ	Làng Teng	2	64.000	2	128.000	128.000		
167	Phạm Văn Sưng	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
168	Phạm Văn Ua	Làng Teng	3	64.000	2	128.000	128.000		
169	Phạm Thị Đua	Đá Chát	2	64.000	2	128.000	128.000		
170	Phạm Thị Nết	Đá Chát	4	64.000	2	128.000	128.000		
171	Phạm Thị Hách	Đá Chát	3	64.000	2	128.000	128.000		
172	Phạm Thị Liên	Đá Chát	1	64.000	2	128.000	128.000		
173	Phạm Thị Lăng	Đá Chát	2	64.000	2	128.000	128.000		
174	Phạm Thị Lên (Đỉ)	Đá Chát	4	64.000	2	128.000	128.000		
175	Phạm Văn Thâm	Đá Chát	4	64.000	2	128.000	128.000		
176	Phạm Văn Trái	Đá Chát	4	64.000	2	128.000	128.000		

177	Phạm Văn Thay	Đá Chát	3	64.000	2	128.000	128.000		
178	Phạm Văn Ró	Đá Chát	3	64.000	2	128.000	128.000		
179	Phạm Thị Um	Đá Chát	2	64.000	2	128.000	128.000		
180	Phạm Thị Bốn	Đá Chát	2	64.000	2	128.000	128.000		
181	Phạm Thị Ri	Đá Chát	1	64.000	2	128.000	128.000		
182	Phạm Thị Rở	Đá Chát	2	64.000	2	128.000	128.000		
183	Phạm Thị Anh	Đá Chát	6	64.000	2	128.000	128.000		
184	Phạm Thị Tỷ	Đá Chát	8	64.000	2	128.000	128.000		
185	Phạm Văn Hai	Đá Chát	6	64.000	2	128.000	128.000		
186	Phạm Thị Xuôi	Đá Chát	4	64.000	2	128.000	128.000		
187	Phạm Thị Inh	Đá Chát	6	64.000	2	128.000	128.000		
188	Phạm Thị Hú	Đá Chát	2	64.000	2	128.000	128.000		
189	Phạm Thị Phá	Đá Chát	4	64.000	2	128.000	128.000		
190	Phạm Thị Nít	Hương Chiên	1	64.000	2	128.000	128.000		
191	Phạm Văn Man	Hương Chiên	3	64.000	2	128.000	128.000		
192	Phạm Thị Nga	Hương Chiên	3	64.000	2	128.000	128.000		
193	Phạm Thị Nhê	Hương Chiên	1	64.000	2	128.000	128.000		
194	Phạm Thị Gạch	Hương Chiên	4	64.000	2	128.000	128.000		
195	Phạm Văn Lúc	Hương Chiên	3	64.000	2	128.000	128.000		
196	Phạm Thị Nâu	Hương Chiên	2	64.000	2	128.000	128.000		
197	Phạm Thị Xân	Hương Chiên	7	64.000	2	128.000	128.000		
198	Phạm Văn Trỏi	Hương Chiên	1	64.000	2	128.000	128.000		
199	Phạm Thị Ngoát	Hương Chiên	2	64.000	2	128.000	128.000		
	Tổng cộng: 199 hộ nghèo		**549**			**25.472.000**	**25.472.000**		

Tổng số hộ nghèo đề nghị phê duyệt, hỗ trợ tiền điện tháng 5, tháng 6 năm 2025: 199 hộ.

Trong đó: Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền kỳ này: 199 hộ; Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền các kỳ trước chuyển sang: 0 hộ.

Tổng số tiền (Hai mươi lăm triệu bốn trăm trăm bảy mươi hai nghìn đồng): 25.472.000 đồng.

37.909.500

DANH SÁCH HỘ NGHÈO ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN QUÝ III NĂM 2025
XÃ BA ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 26/11/2025 của UBND xã Ba Động)

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
1	Nguyễn Thị Hoa	Hóc Kè	2	64.000	3	192.000	192.000		
2	Võ Thị Lý	Hóc Kè	5	64.000	3	192.000	192.000		
3	Võ Thị Trừ	Hóc Kè	2	64.000	3	192.000	192.000		
4	Trương Thanh Phúc	Hóc Kè	5	64.000	3	192.000	192.000		
5	Đỗ Văn Vũ	Hóc Kè	3	64.000	3	192.000	192.000		
6	Võ Thị Biên	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
7	Nguyễn Thị Nữ	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
8	Bùi Thị Thu	Tân Long	2	64.000	3	192.000	192.000		
9	Đoàn Thị Rý	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
10	Hồ Thị Sáu	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
11	Huỳnh Thị Quy	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
12	Nguyễn Thị Trà	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
13	Nguyễn Thị Cài	Tân Long	4	64.000	3	192.000	192.000		
14	Hoàng Tấn Lực	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
15	Nguyễn Thị Sự	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
16	Huỳnh Thị Hoa	Tân Long	2	64.000	3	192.000	192.000		
17	Phạm Văn Hiếu	Tân Long	1	64.000	3	192.000	192.000		
18	Bùi Thị Thanh Tùng	Trường An	5	64.000	3	192.000	192.000		
19	Phan Thị Lan	Trường An	2	64.000	3	192.000	192.000		
20	Trần Thị Khánh	Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
21	Hồ Thị Xuân Lan	Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
22	Đặng Dùm	Trường An	3	64.000	3	192.000	192.000		
23	Phan Văn Hoàng	Trường An	4	64.000	3	192.000	192.000		
24	Nguyễn Thị Học	Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
25	Nguyễn Thị Lan	Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
26	Đặng Ngọc Sơn	Trường An	2	64.000	3	192.000	192.000		
27	Lê Thị Bông	Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
28	Huỳnh Thị Thịnh	Trường An	2	64.000	3	192.000	192.000		
29	Trịnh Thị Chai	Trường An	2	64.000	3	192.000	192.000		
30	Lê Thị Mỹ Linh	Trường An	3	64.000	3	192.000	192.000		
31	Trần Ngọc Quang	Suối Loa	3	64.000	3	192.000	192.000		
32	Nguyễn Đức Hoa	Suối Loa	1	64.000	3	192.000	192.000		
33	Ngô Quốc Việt	Suối Loa	2	64.000	3	192.000	192.000		
34	Ngô Văn Hùng	Suối Loa	3	64.000	3	192.000	192.000		
35	Trần Triều	Suối Loa	5	64.000	3	192.000	192.000		
36	Võ Thị Mai	Suối Loa	2	64.000	3	192.000	192.000		
37	Hà Văn Kiệt	Suối Loa	3	64.000	3	192.000	192.000		
38	Phạm Văn Lợi	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
39	Phạm Văn Vân(b)	Thôn Huy Ba 1	6	64.000	3	192.000	192.000		
40	Phạm Thị Úp	Thôn Huy Ba 1	4	64.000	3	192.000	192.000		
41	Phạm Thị Y	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
42	Phạm Văn Líp	Thôn Huy Ba 1	5	64.000	3	192.000	192.000		
43	Phạm Văn Vục	Thôn Huy Ba 1	7	64.000	3	192.000	192.000		
44	Phạm Thị Để	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
45	Phạm Thị Lợi	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
46	Phạm Thị Éa	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
47	Phạm Thị Biên	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
48	Phạm Thị Lê	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
49	Phạm Thị Lúa	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
50	Phạm Thị Liên	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
51	Đinh Hùng Cường	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
52	Phạm Thị Trang	Thôn Huy Ba 1	5	64.000	3	192.000	192.000		
53	Phạm Thị Được	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
54	Phạm Văn Ách	Thôn Huy Ba 1	7	64.000	3	192.000	192.000		
55	Phạm Thị Dung	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
56	Phạm Văn Cuốt	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
57	Phạm Thị Gai	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
58	Phạm Thị Xi	Thôn Huy Ba 1	5	64.000	3	192.000	192.000		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
59	Phạm Văn Tam	Thôn Huy Ba 1	6	64.000	3	192.000	192.000		
60	Phạm Thị Ngành	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
61	Phạm Văn Hồ	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
62	Phạm Thị Vịt	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
63	Phạm Văn Xếp	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
64	Phạm Văn Xanh	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
65	Phạm Thị Lanh	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
66	Phạm Văn Lãi	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
67	Phạm Thị Hà	Thôn Huy Ba 1	4	64.000	3	192.000	192.000		
68	Phạm Dâm	Thôn Huy Ba 1	7	64.000	3	192.000	192.000		
69	Phạm Văn Linh	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
70	Phạm Thị Hương	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
71	Phạm Văn Guá	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
72	Phạm Văn Niên	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
73	Phạm Văn Chiến	Thôn Huy Ba 1	4	64.000	3	192.000	192.000		
74	Phạm Thị Phoi	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
75	Phạm Văn Biên	Thôn Huy Ba 1	4	64.000	3	192.000	192.000		
76	Phạm Văn Đồng	Thôn Huy Ba 1	5	64.000	3	192.000	192.000		
77	Phạm Văn Cúa	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
78	Phạm Văn Ước	Thôn Huy Ba 1	1	64.000	3	192.000	192.000		
79	Phạm Văn Hầm	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
80	Phạm Thị Đe	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
81	Phạm Văn Gò	Thôn Huy Ba 1	3	64.000	3	192.000	192.000		
82	Phạm Văn Diên	Thôn Huy Ba 1	4	64.000	3	192.000	192.000		
83	Phạm Văn Hành	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
84	Phạm Văn Ghun	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
85	Phạm Thị Túc	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
86	Phạm Văn Thủy	Thôn Huy Ba 1	2	64.000	3	192.000	192.000		
87	Phạm Văn Hiếu	Thôn Huy Ba 1	5	64.000	3	192.000	192.000		
88	Phạm Văn Hêu	Thôn Huy Ba 2	6	64.000	3	192.000	192.000		
89	Phạm Văn Kĩa	Thôn Huy Ba 2	6	64.000	3	192.000	192.000		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
90	Phạm Thị Trốt	Thôn Huy Ba 2	1	64.000	3	192.000	192.000		
91	Nguyễn Văn Hải	Thôn Huy Ba 2	1	64.000	3	192.000	192.000		
92	Trần Thị Nguyệt	Thôn Huy Ba 2	3	64.000	3	192.000	192.000		
93	Phạm Thị Ghì	Thôn Huy Ba 2	1	64.000	3	192.000	192.000		
94	Phạm Văn Liêu	Thôn Huy Ba 2	1	64.000	3	192.000	192.000		
95	Phạm Văn Thắng	Thôn Huy Ba 2	5	64.000	3	192.000	192.000		
96	Phạm Văn Công	Thôn Huy Ba 2	5	64.000	3	192.000	192.000		
97	Phạm Văn Lốp	Thôn Huy Ba 2	2	64.000	3	192.000	192.000		
98	Phạm Văn Sên	Thôn Huy Ba 2	2	64.000	3	192.000	192.000		
99	Phạm Văn Lợi	Thôn Huy Ba 2	3	64.000	3	192.000	192.000		
100	Phạm Văn Tiếu	Thôn Huy Ba 2	2	64.000	3	192.000	192.000		
101	Phạm Văn Đùng	Thôn Huy Ba 2	2	64.000	3	192.000	192.000		
102	Phạm Văn Hăm	Thôn Huy Ba 2	6	64.000	3	192.000	192.000		
103	Phạm Văn Êu	Thôn Huy Ba 2	4	64.000	3	192.000	192.000		
104	Phạm Văn Tâm	Thôn Huy Ba 2	1	64.000	3	192.000	192.000		
105	Phạm Thị Thui	Thôn Huy Ba 2	2	64.000	3	192.000	192.000		
106	Phạm Thị Đào	Thôn Huy Ba 2	1	64.000	3	192.000	192.000		
107	Phạm Văn Huệ	Thôn Huy Ba 2	3	64.000	3	192.000	192.000		
108	Phạm Văn Hạnh	Thôn Huy Ba 2	3	64.000	3	192.000	192.000		
109	Phạm Văn Trôn	Thôn Huy Ba 2	4	64.000	3	192.000	192.000		
110	Phạm Văn So	Thôn Huy Ba 2	4	64.000	3	192.000	192.000		
111	Phạm Văn Tha	Thôn Huy Ba 2	3	64.000	3	192.000	192.000		
112	Phạm Văn Nhốp	Thôn Trường An	2	64.000	3	192.000	192.000		
113	Phạm Thị Cúc	Thôn Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
114	Phạm Thị Lý	Thôn Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
115	Đặng Trần Sơn	Thôn Trường An	5	64.000	3	192.000	192.000		
116	Phạm Thị Găm	Thôn Trường An	3	64.000	3	192.000	192.000		
117	Phạm Thị Nhơ	Thôn Trường An	5	64.000	3	192.000	192.000		
118	Phạm Văn Trê	Thôn Trường An	7	64.000	3	192.000	192.000		
119	Phạm Thị KLệu	Thôn Trường An	4	64.000	3	192.000	192.000		
120	Phạm Thị Sương	Thôn Trường An	5	64.000	3	192.000	192.000		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
121	Phạm Thị Lùm	Thôn Trường An	3	64.000	3	192.000	192.000		
122	Phạm Thị Hòe	Thôn Trường An	2	64.000	3	192.000	192.000		
123	Phạm Văn Vế	Thôn Trường An	8	64.000	3	192.000	192.000		
124	Phạm Văn Sanh	Thôn Trường An	7	64.000	3	192.000	192.000		
125	Phạm Văn Thang	Thôn Trường An	6	64.000	3	192.000	192.000		
126	Phạm Văn Xít	Thôn Trường An	5	64.000	3	192.000	192.000		
127	Trần Thị Kim Hoa	Thôn Trường An	3	64.000	3	192.000	192.000		
128	Phạm Thị Neo	Thôn Trường An	1	64.000	3	192.000	192.000		
129	Phạm Văn Lế	Thôn Trường An	5	64.000	3	192.000	192.000		
130	Phạm Trung Thành	Thôn Trường An	3	64.000	3	192.000	192.000		
131	Phạm Thị Den	Thôn Trường An	4	64.000	3	192.000	192.000		
132	Phạm Thị Trúy	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
133	Phạm Thị Nhung	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
134	Phạm Văn Thôn	Thôn Làng Teng	5	64.000	3	192.000	192.000		
135	Phạm Thị Hót	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
136	Phạm Văn Mu(a)	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
137	Phạm Văn Năm	Thôn Làng Teng	2	64.000	3	192.000	192.000		
138	Phạm Thị Đú	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
139	Phạm Thị Thùng	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
140	Phạm Thị Đanh	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
141	Phạm Thị Điêu	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
142	Phạm Thị Tủ	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
143	Phạm Văn Răm	Thôn Làng Teng	4	64.000	3	192.000	192.000		
144	Phạm Văn Nem	Thôn Làng Teng	2	64.000	3	192.000	192.000		
145	Phạm Thị Trước	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
146	Phạm Văn Đầm	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
147	Phạm Văn Trưa	Thôn Làng Teng	2	64.000	3	192.000	192.000		
148	Phạm Văn Dũng	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
149	Trịnh Thị Cúc	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
150	Phạm Thị Bay	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
151	Phạm Thị Y	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
152	Phạm Văn Đùa	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
153	Phạm Thị Đuôi	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
154	Phạm Văn Lui(b)	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
155	Phạm Văn Ne	Thôn Làng Teng	4	64.000	3	192.000	192.000		
156	Phạm Văn Phương	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
157	Phạm Văn Đồng	Thôn Làng Teng	4	64.000	3	192.000	192.000		
158	Phạm Văn Ma	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
159	Phạm Văn Rêu	Thôn Làng Teng	2	64.000	3	192.000	192.000		
160	Phạm Văn Mè	Thôn Làng Teng	2	64.000	3	192.000	192.000		
161	Phạm Thị Ốt	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
162	Phạm Thị Đầy	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
163	Phạm Thị Ven	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
164	Phạm Thị Lát	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
165	Phạm Thị Lun	Thôn Làng Teng	1	64.000	3	192.000	192.000		
166	Phạm Văn Đệ	Thôn Làng Teng	2	64.000	3	192.000	192.000		
167	Phạm Văn Sưng	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
168	Phạm Văn Ua	Thôn Làng Teng	3	64.000	3	192.000	192.000		
169	Phạm Thị Đua	Đá Chát	2	64.000	3	192.000	192.000		
170	Phạm Thị Nết	Đá Chát	4	64.000	3	192.000	192.000		
171	Phạm Thị Hách	Đá Chát	3	64.000	3	192.000	192.000		
172	Phạm Thị Liên	Đá Chát	1	64.000	3	192.000	192.000		
173	Phạm Thị Lăng	Đá Chát	2	64.000	3	192.000	192.000		
174	Phạm Thị Lên (Đi)	Đá Chát	4	64.000	3	192.000	192.000		
175	Phạm Văn Thâm	Đá Chát	4	64.000	3	192.000	192.000		
176	Phạm Văn Trái	Đá Chát	4	64.000	3	192.000	192.000		
177	Phạm Văn Thay	Đá Chát	3	64.000	3	192.000	192.000		
178	Phạm Văn Ró	Đá Chát	3	64.000	3	192.000	192.000		
179	Phạm Thị Um	Đá Chát	2	64.000	3	192.000	192.000		
180	Phạm Thị Bốn	Đá Chát	2	64.000	3	192.000	192.000		
181	Phạm Thị Ri	Đá Chát	1	64.000	3	192.000	192.000		
182	Phạm Thị Rở	Đá Chát	2	64.000	3	192.000	192.000		

TT	Họ và tên chủ hộ	Nơi ở (Thôn)	Số người / hộ	Số tiền / tháng / hộ (đồng)	Số tháng hỗ trợ (tháng)	Số tiền hỗ trợ Quý II(đồng)	Trong đó		Ghi chú
							Kỳ này	Kỳ trước	
183	Phạm Thị Anh	Đá Chát	6	64.000	3	192.000	192.000		
184	Phạm Thị Tỷ	Đá Chát	8	64.000	3	192.000	192.000		
185	Phạm Văn Hai	Đá Chát	6	64.000	3	192.000	192.000		
186	Phạm Thị Xuôi	Đá Chát	4	64.000	3	192.000	192.000		
187	Phạm Thị Inh	Đá Chát	6	64.000	3	192.000	192.000		
188	Phạm Thị Hú	Đá Chát	2	64.000	3	192.000	192.000		
189	Phạm Thị Phá	Đá Chát	4	64.000	3	192.000	192.000		
190	Phạm Thị Nít	Hương Chiên	1	64.000	3	192.000	192.000		
191	Phạm Văn Man	Hương Chiên	3	64.000	3	192.000	192.000		
192	Phạm Thị Nga	Hương Chiên	3	64.000	3	192.000	192.000		
193	Phạm Thị Nhê	Hương Chiên	1	64.000	3	192.000	192.000		
194	Phạm Thị Gạch	Hương Chiên	4	64.000	3	192.000	192.000		
195	Phạm Văn Lúc	Hương Chiên	3	64.000	3	192.000	192.000		
196	Phạm Thị Nâu	Hương Chiên	2	64.000	3	192.000	192.000		
197	Phạm Thị Xân	Hương Chiên	7	64.000	3	192.000	192.000		
198	Phạm Văn Trỏi	Hương Chiên	1	64.000	3	192.000	192.000		
199	Phạm Thị Ngoát	Hương Chiên	2	64.000	3	192.000	192.000		
	Tổng cộng: 199 hộ nghèo		**549**			**38.208.000**	**38.208.000**		

Tổng số hộ nghèo đề nghị phê duyệt, hỗ trợ tiền điện tháng 7,tháng 8, tháng 9 năm 2025: 199 hộ.

Trong đó: Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền kỳ này: 199 hộ; Số hộ đề nghị hỗ trợ tiền các kỳ trước chuyển sang: 0 hộ.
Tổng số tiền (Ba mươi bảy triệu ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng): 38.208.000 đồng.